

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM  
VÀ CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30/06/2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	09 - 30

## CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vicem (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soát xét của Công ty và công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020.

#### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Huỳnh Trung Hiếu	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2020)
Ông Lê Xuân Khôi	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 21 tháng 04 năm 2020)
Ông Bùi Nguyên Quỳnh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên
Ông Hồ Sĩ An	Thành viên
Ông Đỗ Văn Huân	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Minh Huy	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Huệ	Thành viên
Ông Phạm Thế Nghĩa	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đỗ Văn Huân	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Việt	Phó Tổng Giám đốc

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

## CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng, các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Nhóm Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Nhóm Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

### CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Văn Huân

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2020

Số: 21.129-HN/BCSX-RSMHCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: **Các Cổ đông**  
**Các thành viên Hội đồng Quản trị**  
**Các thành viên Ban Tổng Giám đốc**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Logistics Vicem (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 10 tháng 08 năm 2020 từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

*(Xem trang tiếp theo)*

**THE POWER OF BEING UNDERSTOOD**  
AUDIT | TAX | CONSULTING

RSM Vietnam is a member of the RSM network and trades as RSM. RSM is the trading name used by the members of the RSM network. Each member of the RSM network is an independent accounting and consulting firm which practices in its own right. The RSM network is not itself a separate legal entity in any jurisdiction.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Logistics Vicem và công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



**Lục Thị Vân**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0172-2018-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2020

*Như đã trình bày tại mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>329.647.453.361</b>	<b>314.528.069.881</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>19.589.498.221</b>	<b>13.215.546.389</b>
1. Tiền	111	4.1	19.589.498.221	13.215.546.389
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>4.2</b>	<b>152.936.980.868</b>	<b>134.339.867.800</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		20.990.879.270	20.990.879.270
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(4.780.295.270)	(4.780.295.270)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		136.726.396.868	118.129.283.800
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>154.326.031.842</b>	<b>165.541.719.603</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	150.076.685.020	163.577.462.218
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	1.028.688.000	691.767.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	4.809.838.173	3.202.975.867
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(1.589.179.351)	(1.930.485.482)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>2.790.810.496</b>	<b>571.211.602</b>
1. Hàng tồn kho	141	4.7	2.790.810.496	571.211.602
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.131.934</b>	<b>859.724.487</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.120.000	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	857.322.554
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.10	11.934	2.401.933
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>101.521.688.570</b>	<b>112.587.623.995</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>101.521.688.570</b>	<b>112.587.623.995</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	101.521.688.570	112.587.623.995
Nguyên giá	222		261.761.626.876	261.714.626.876
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(160.239.938.306)	(149.127.002.881)
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>431.169.141.931</b>	<b>427.115.693.876</b>

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>106.295.850.947</b>	<b>91.309.158.072</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>106.295.850.947</b>	<b>91.309.158.072</b>
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	63.278.723.720	76.016.328.562
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	2.738.833.242	2.019.538.371
3. Phải trả người lao động	314	4.11	7.860.411.997	9.032.693.936
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.12	4.396.378.637	587.600.932
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	16.899.788.711	1.738.023.677
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.14	3.911.744.146	-
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.15	7.209.970.494	1.914.972.594
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>324.873.290.984</b>	<b>335.806.535.804</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.16	<b>324.873.290.984</b>	<b>335.806.535.804</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		131.040.000.000	131.040.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		131.040.000.000	131.040.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		53.070.783.332	53.070.783.332
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		114.060.604.975	114.060.604.975
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.956.898.580	6.096.869.004
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.038.148.798	30.959.293.173
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		2.881.133.597	1.756.035.062
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.157.015.201	29.203.258.111
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		706.855.299	578.985.320
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>431.169.141.931</b>	<b>427.115.693.876</b>



**Đỗ Văn Huan**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2020

**Trần Thị Lý**  
Kế toán trưởng

**Võ Thị Ngọc Diễm**  
Người lập



**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	5.1	136.239.401.975	126.510.519.360
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		136.239.401.975	126.510.519.360
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	115.666.236.064	104.037.696.682
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.573.165.911	22.472.822.678
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	4.146.205.283	3.136.206.929
6. Chi phí tài chính	22		109.096	(2.548.152.000)
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	7.768.237.179	7.827.008.743
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.951.024.919	20.330.172.864
9. Thu nhập khác	31		29.958.433	256.679.920
10. Chi phí khác	32		340.376.877	88.490.552
11. Lợi nhuận khác	40		(310.418.444)	168.189.368
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.640.606.475	20.498.362.232
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.6	3.355.721.295	4.128.072.446
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.284.885.180	16.370.289.786
15. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		13.157.015.201	16.318.947.065
16. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		127.869.979	51.342.721
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.16.4	1.004	881
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.16.5	1.004	881



Đỗ Văn Huân  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2020

Trần Thị Lý  
Kế toán trưởng

Võ Thị Ngọc Diễm  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		16.640.606.475	20.498.362.232
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ	02	5.5	11.112.935.425	11.413.430.229
Các khoản dự phòng	03		3.570.438.015	4.169.459.116
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.425	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.146.205.283)	(3.258.684.202)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		27.177.778.057	32.822.567.375
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		12.915.745.824	(9.835.861.684)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.219.598.894)	478.655.043
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(10.390.596.508)	(882.684.821)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(2.907.583.960)	(3.314.339.401)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.198.332.100)	(2.731.512.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		21.377.412.419	16.536.824.512
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(47.000.000)	(1.171.354.545)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	122.477.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(85.322.389.383)	(105.990.117.653)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		67.185.207.811	76.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.180.724.410	2.102.289.121
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(15.003.457.162)	(28.936.705.804)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
<b>LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG KỶ</b>	50		6.373.955.257	(12.399.881.292)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		13.215.546.389	26.542.078.222
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(3.425)	
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỶ</b>	70	4.1	19.589.498.221	14.142.196.930



Đỗ Văn Huân  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2020

Trần Thị Lý  
Kế toán trưởng

Võ Thị Ngọc Diễm  
Người lập

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Logistics Vicem (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo:

- Quyết định Số 24/2000/QĐ-TTg ngày 21 tháng 01 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ cổ phần hóa từ Xi nghiệp Vận tải của Công ty Xi măng Hà Tiên 1 thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam;
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301975289 ngày 24 tháng 04 năm 2000 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP. Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 01 tháng 07 năm 2020 để đổi tên công ty (tên cũ: Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên) và bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Ngày 07 tháng 12 năm 2005, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 41/UBCK-GPNY của Ủy ban chứng khoán Nhà nước với mã chứng khoán HTV.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi gần đây nhất là 131.040.000.000 VND được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 30/06/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	65.623.610.000	50,08	65.623.610.000	50,08
Các cổ đông khác	65.416.390.000	49,92	65.416.390.000	49,92
<b>Cộng</b>	<b>131.040.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>131.040.000.000</b>	<b>100,00</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào 01 công ty con như được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm Công ty").

Tổng số nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 244 (31 tháng 12 năm 2019 là: 231).

**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Nhóm Công ty là:

- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (từ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác và không hoạt động tại trụ sở);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển);
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và không hoạt động tại trụ sở);
- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, kinh doanh vận chuyển hàng không và không hoạt động tại trụ sở);

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước, trừ cho thuê lại lao động);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi);
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

**1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

**1.4. Cấu trúc Nhóm Công ty**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Nhóm Công ty được cấu trúc theo hình thức sở hữu trực tiếp gồm công ty mẹ và 01 công ty con trực tiếp.

**1.5. Công ty con được hợp nhất**

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ Thủ Đức	Lầu 05, Tòa nhà Landmark, 5B Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	65%	65%	65%

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức kế toán mà Nhóm Công ty áp dụng là kế toán trên máy vi tính.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**2.5. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Nhóm Công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Nhóm Công ty chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

***Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát***

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

***Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ***

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

**3.1. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

*(Xem trang tiếp theo)*

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 3.3. Đầu tư tài chính

#### ***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm giá mua và các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

#### ***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

### 3.4. Nợ phải thu

#### ***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

#### ***Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 3.5. Hàng tồn kho

#### ***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

#### ***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### ***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- |                                  |             |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc         | 05 - 10 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 10 năm      |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý      | 03 - 08 năm |

**3.7. Thuê tài sản**

***Phân loại thuê tài sản***

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

***Thuê hoạt động***

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

**3.8. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**3.9. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh hợp nhất của kỳ báo cáo.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3.10. Dự phòng phải trả**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong kỳ vào ngày công bố cổ tức.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.12. Doanh thu và thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**3.13. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3.14. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu quản lý; chi phí đồ dùng văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế, phí và lệ phí; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

**3.15. Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất 10%.

***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm Công ty.

**3.16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Nhóm Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.18. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****3.19. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Nhóm Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Nhóm Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****4.1. Tiền**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền mặt	355.977.020	162.407.747
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.233.521.201	13.053.138.642
<b>Cộng</b>	<b><u>19.589.498.221</u></b>	<b><u>13.215.546.389</u></b>

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

Chứng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2020			Tại ngày 01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư cổ phiếu:						
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	20.990.879.270	14.529.888.000	(4.780.295.270)	20.990.879.270	16.210.584.000	(4.780.295.270)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 06 - 12 tháng.

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 7	101.125.838.619	112.727.213.518
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty Cổ phần Đầu tư Long Thuận	15.773.826.515	14.713.666.939
Công ty Cổ phần Vận tải One Ocean	15.299.260.404	15.250.343.596
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Quốc tế	1.909.180.000	5.449.046.647
Các khách hàng khác	15.968.579.482	15.437.191.518
<b>Cộng</b>	<b><u>150.076.685.020</u></b>	<b><u>163.577.462.218</u></b>

**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ông Đỗ Khôi Nguyên	400.000.000	400.000.000
Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ DCT	223.977.000	223.977.000
Các nhà cung cấp khác	404.711.000	67.790.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.028.688.000</u></b>	<b><u>691.767.000</u></b>

**4.5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	2.631.762.058	-	2.126.212.681	-
Ký cược, ký quỹ	690.000.000	-	300.000.000	-
Phải thu của người lao động	676.412.360	-	-	-
Phải thu khác	811.663.755	-	776.763.186	-
<b>Cộng</b>	<b><u>4.809.838.173</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>3.202.975.867</u></b>	<b><u>-</u></b>

**4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	1.728.703.812	139.524.461	3.013.287.990	1.082.802.508

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2020			Tại ngày 01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH MTV Cát Vạn Hưng	979.302.000	-	Trên 03 năm	979.302.000	-	Trên 03 năm
Công ty TNHH Cát Tường Hậu Giang	459.522.890	-	Trên 03 năm	459.522.890	-	Trên 03 năm
Công ty TNHH Long Tuyền	10.830.000	-	Trên 03 năm	10.830.000	-	Trên 03 năm
Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại DIC	190.452.185	95.226.093	Từ 01 đến dưới 02 năm	190.452.185	95.226.093	Từ 01 đến dưới 02 năm
Các khách hàng khác	88.596.737	44.298.368	Từ 01 đến dưới 02 năm	1.373.180.915	987.576.415	Từ 06 tháng đến dưới 02 năm
<b>Cộng</b>	<b>1.728.703.812</b>	<b>139.524.461</b>		<b>3.013.287.990</b>	<b>1.082.802.508</b>	

**4.7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	2.204.545.455	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	377.103.939	-	412.606.500	-
Công cụ, dụng cụ	3.725.102	-	4.045.102	-
Hàng gửi đi bán	205.436.000	-	154.560.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.790.810.496</b>	<b>-</b>	<b>571.211.602</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2020	2.203.932.585	255.660.226.380	3.850.467.911	261.714.626.876
Mua trong kỳ	-	-	47.000.000	47.000.000
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>2.203.932.585</b>	<b>255.660.226.380</b>	<b>3.897.467.911</b>	<b>261.761.626.876</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2020	2.051.706.600	144.993.886.982	2.081.409.299	149.127.002.881
Khấu hao trong kỳ	30.445.194	10.822.640.556	259.849.675	11.112.935.425
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>2.082.151.794</b>	<b>155.816.527.538</b>	<b>2.341.258.974</b>	<b>160.239.938.306</b>
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2020	152.225.985	110.666.339.398	1.769.058.612	112.587.623.995
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>121.780.791</b>	<b>99.843.698.842</b>	<b>1.556.208.937</b>	<b>101.521.688.570</b>

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 42.113.875.683 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm mục 7	1.319.557.926	1.319.557.926	461.307.827	461.307.827
Phải trả cho người bán:				
Doanh nghiệp tư nhân Trung Tài	37.858.730.420	37.858.730.420	39.432.944.115	39.432.944.115
Công ty TNHH Vận tải Hán Tiến	5.417.872.629	5.417.872.629	7.018.744.915	7.018.744.915
Phải trả cho các đối tượng khác	18.682.562.745	18.682.562.745	29.103.331.705	29.103.331.705
<b>Cộng</b>	<b>63.278.723.720</b>	<b>63.278.723.720</b>	<b>76.016.328.562</b>	<b>76.016.328.562</b>

**4.10. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2020		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2020	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	422.472.914	4.733.507.119	(4.311.034.205)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.934	2.264.385.596	3.350.953.231	(2.907.583.960)	2.401.933	1.818.626.326
Thuế thu nhập cá nhân	-	51.974.732	461.854.265	(610.791.578)	-	200.912.045
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	797.273.496	(797.273.496)	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>11.934</b>	<b>2.738.833.242</b>	<b>9.349.588.111</b>	<b>(8.632.683.239)</b>	<b>2.401.933</b>	<b>2.019.538.371</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.11. Phải trả người lao động**

Là khoản tiền lương còn phải trả cho cán bộ, công nhân viên.

**4.12. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Chi phí thuê ngoài vận chuyển	4.324.378.637	490.600.932
Các khoản chi phí phải trả khác	72.000.000	97.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>4.396.378.637</u></b>	<b><u>587.600.932</u></b>

**4.13. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm mục 7	7.874.979.840	-
Phải trả cho các đối tượng khác:		
Cổ tức phải trả	7.853.506.445	3.686.285
Nhận ký quỹ, ký cược	546.000.000	546.000.000
Các khoản phải trả khác	625.302.426	1.188.337.392
<b>Cộng</b>	<b><u>16.899.788.711</u></b>	<b><u>1.738.023.677</u></b>

**4.14. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Là khoản trích chi phí dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định.

**4.15. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số dư đầu kỳ	1.914.972.594	2.059.490.666
Trích lập trong kỳ	8.493.330.000	5.653.818.229
Sử dụng trong kỳ	(3.198.332.100)	(2.731.512.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>7.209.970.494</u></b>	<b><u>4.981.796.895</u></b>

(Xem trang tiếp theo)



**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.16. Vốn chủ sở hữu**

**4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích có đồng không kiểm soát	Cộng	
Tại ngày 01/01/2019	131.040.000.000	53.070.783.332	-	117.000.238.488	30.223.088.782	404.972.202	331.739.082.804
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	29.203.258.111	174.013.118	29.377.271.229
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	3.157.235.491	(3.157.235.491)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(5.653.818.229)	-	(5.653.818.229)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(19.656.000.000)	-	(19.656.000.000)
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	114.060.604.975	(114.060.604.975)	-	-	-
Tại ngày 01/01/2020	131.040.000.000	53.070.783.332	114.060.604.975	6.096.869.004	30.959.293.173	578.985.320	335.806.535.804
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	13.157.015.201	127.869.979	13.284.885.180
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	3.860.029.576	(3.860.029.576)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(8.493.330.000)	-	(8.493.330.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(15.724.800.000)	-	(15.724.800.000)
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>131.040.000.000</b>	<b>53.070.783.332</b>	<b>114.060.604.975</b>	<b>9.956.898.580</b>	<b>16.038.148.798</b>	<b>706.855.299</b>	<b>324.873.290.984</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.16.2. Cổ phiếu**

	<u>Tại ngày 30/06/2020</u>	<u>Tại ngày 01/01/2020</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.104.000	13.104.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	13.104.000	13.104.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	13.104.000	13.104.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

**4.16.3. Cổ tức**

Căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông thường niên ngày 17 tháng 06 năm 2020, tỷ lệ chia cổ tức là 12% trên vốn điều lệ.

**4.16.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Lãi sau thuế của cổ đông công ty mẹ	13.157.015.201	16.318.947.065
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(4.771.188.487)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.157.015.201	11.547.758.578
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	13.104.000	13.104.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>1.004</u></b>	<b><u>881</u></b>

Đến ngày 30/06/2020, Nhóm Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số quỹ khen thưởng phúc lợi có thể được trích lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30/06/2020 do Đại hội cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích.

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.16.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông công ty mẹ	13.157.015.201	16.318.947.065
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(4.771.188.487)
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	13.157.015.201	11.547.758.578
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	13.104.000	13.104.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	13.104.000	13.104.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.004</b>	<b>881</b>

Đến ngày 30/06/2020, Nhóm Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số quỹ khen thưởng phúc lợi có thể được trích lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30/06/2020 do Đại hội cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích.

**4.16.6. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2020	6.096.869.004
Trích trong kỳ	3.860.029.576
Chi trong kỳ	-
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>9.956.898.580</b>

**4.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
Ngoại tệ các loại:		
USD	131,47	69.838,07

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu dịch vụ vận tải đường thủy	124.114.218.610	116.393.372.385
Doanh thu bán vật liệu xây dựng	4.804.417.173	5.697.190.596
Doanh thu dịch vụ vận tải đường bộ	3.811.907.920	998.027.323
Doanh thu bốc dỡ hàng hóa	1.805.457.420	2.221.929.056
Doanh thu cho thuê kho	1.200.000.000	1.200.000.000
Doanh thu khác	503.400.852	-
<b>Cộng</b>	<b><u>136.239.401.975</u></b>	<b><u>126.510.519.360</u></b>

Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm mục 7

	76.942.582.531	73.631.481.369
--	----------------	----------------

**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	111.349.499.891	98.525.973.548
Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.316.736.173	5.511.723.134
<b>Cộng</b>	<b><u>115.666.236.064</u></b>	<b><u>104.037.696.682</u></b>

**5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Là khoản lãi tiền gửi ngân hàng.

**5.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.476.633.090	3.433.683.336
Chi phí vật liệu quản lý	98.550.899	150.747.562
Chi phí đồ dùng văn phòng	169.063.909	324.744.096
Chi phí khấu hao tài sản cố định	290.294.869	213.904.121
Thuế phí, lệ phí	1.287.138.611	1.028.800.387
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(341.306.131)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	605.038.101	702.856.667
Chi phí khác bằng tiền	2.182.823.831	1.972.272.574
<b>Cộng</b>	<b><u>7.768.237.179</u></b>	<b><u>7.827.008.743</u></b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.201.488.923	10.090.774.958
Chi phí nhân công	22.296.549.408	23.815.076.086
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.112.935.425	11.413.430.229
Chi phí dịch vụ mua ngoài	78.978.981.787	64.570.151.578
Chi phí khác bằng tiền	1.844.517.700	1.975.272.574
<b>Cộng</b>	<b><u>123.434.473.243</u></b>	<b><u>111.864.705.425</u></b>

**5.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	16.640.606.475	20.498.362.232
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	138.000.000	142.000.000
Thu nhập tính thuế	16.778.606.475	20.640.362.232
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ</b>	<b><u>3.355.721.295</u></b>	<b><u>4.128.072.446</u></b>

**6. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động về những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty cung cấp, hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh cần thiết phải thuyết minh.
- Bộ phận theo khu vực địa lý: Hoạt động của Nhóm Công ty hoàn toàn tại Việt Nam nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

Do vậy, Nhóm Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan**

**Mối quan hệ**

1. Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ
2. Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Công ty cùng Công ty mẹ
3. Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	Công ty cùng Tổng Công ty
4. Công ty TNHH Xi măng Siam City Nhơn Trạch	Công ty cùng Tổng Công ty
5. Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Công ty cùng Công ty mẹ
6. Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	Công ty cùng Công ty mẹ
7. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải phải trả với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2020 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2020 VND</u>
Phải thu khách hàng:		
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	98.168.008.659	108.782.187.380
Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	2.203.639.826	3.293.895.044
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	706.558.746	547.299.542
Công ty TNHH Xi măng Siam City Nhơn Trạch	47.631.388	103.831.552
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.3</b>	<b><u>101.125.838.619</u></b>	<b><u>112.727.213.518</u></b>

Phải trả người bán:

Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	(409.396.636)	(461.307.827)
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	(910.161.290)	-
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.9</b>	<b><u>(1.319.557.926)</u></b>	<b><u>(461.307.827)</u></b>

Phải trả ngắn hạn khác - Xem thêm mục 4.13

Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	(7.874.979.840)	-
-------------------------------	-----------------	---

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	71.397.719.801	67.044.044.389
Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	3.098.767.332	6.145.024.180
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	2.263.892.856	-
Công ty TNHH Xi măng Siam City Nhơn Trạch	182.202.542	442.412.800
<b>Cộng - Xem thêm mục 5.1</b>	<b><u>76.942.582.531</u></b>	<b><u>73.631.481.369</u></b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Thuê tài sản:		
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	937.419.355	-
Mua dịch vụ:		
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	687.475.668	630.804.285
Cổ tức đã chia:		
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	7.874.979.840	9.843.541.500
Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của Công ty được hưởng trong kỳ như sau:		
	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Thù lao của Hội đồng quản trị	120.000.000	116.000.000
Tiền lương của Tổng Giám đốc	348.000.000	348.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>468.000.000</u></b>	<b><u>464.000.000</u></b>
<b>8. THU NHẬP BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY</b>		
	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Tiền lương và các chi phí hoạt động	111.000.000	111.000.000
<b>9. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG</b>		
Nhóm Công ty thuê đất và văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là dưới 1 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ:		
	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	1.307.273.496	794.260.448
Tại ngày 30/06/2020, Nhóm Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:		
	<u>Tại ngày 30/06/2020 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2020 VND</u>
Từ 1 năm trở xuống	1.260.763.232	853.193.280

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**10. SỐ LIỆU SỐ SÁNH**

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Trích):

	<b>Kỳ trước VND (Được báo cáo lại)</b>	<b>Kỳ trước VND (Đã được báo cáo trước đây)</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	881	1.245
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	881	1.245

Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu kỳ trước được báo cáo lại do Nhóm Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 48/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 06 năm 2020.

**11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Vào tháng 07/2020, dịch Covid-19 bùng phát trở lại tại Việt Nam. Ảnh hưởng đầy đủ của dịch bệnh vẫn chưa xác định được. Tuy nhiên, khả năng xảy ra mức độ ảnh hưởng tiêu cực của Covid-19 đến doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty trong kỳ kế toán tới là tùy thuộc vào thời gian diễn biến của dịch bệnh.



\_\_\_\_\_  
**Đỗ Văn Huân**  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2020

\_\_\_\_\_  
**Trần Thị Lý**  
Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
**Võ Thị Ngọc Diễm**  
Người lập